|  |  |
| --- | --- |
| ----------------  ĐỀ CHÍNH THỨC  *(Đề gồm 2 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **Năm học 2023-2024**  ----------------  Môn kiểm tra: **Ngữ văn 7**  Thời gian làm bài: 90 phút  Ngày kiểm tra: 9/5/2023 |

**I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm): Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*“Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa.* *Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.*

*Sứ mệnh của hoa là nở. Cho dù không có những ưu thế như nhiều loài hoa khác, cho dù được đặt ở bất cứ đâu, thì cũng hãy bừng nở rực rỡ, bung ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời. (...)*

*Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.”*

(Kazuko Watanabe, *Mình là nắng việc của mình là chói chang*,

Vũ Thùy Linh dịch, NXB Thế giới, 2018)

**Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm từ câu 1 đến câu 8 bằng cách ghi lại chữ cái đứng đầu phương án đúng.** (Mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm)

**Câu 1**. **Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Biểu cảm  B. Tự sự | C. Nghị luận  D. Thuyết minh |

**Câu 2**. **Mỗi chúng ta được tác giả so sánh với sự vật nào?**

A. Những bông hoa lớn

B. Những bông hoa nhỏ

C. Những đóa hoa rực rỡ sắc màu

D. Một đóa hoa

**Câu 3*.* Theo tác giả, sứ mệnh của loài hoa là gì?**

A. Sứ mệnh của hoa là tỏa hương thơm.

B. Sứ mệnh của hoa là khoe sắc thắm.

C. Sứ mệnh của hoa là nở.

D. Sứ mệnh của hoa là làm đẹp cho cuộc sống.

**Câu 4**. **Trong các cách hiểu sau về từ “hoa”, cách hiểu nào được gọi là thuật ngữ?**

A. Cơ quan sinh sản hữu tính của cây hạt kín, thường có màu sắc và hương thơm

B. Vật có hình đẹp, tựa như bông hoa dùng để trang trí

C. Cây trồng ở trong vườn để lấy hoa làm cảnh

D. Hình hoa trang trí trên các vật giúp cho vật trở nên đẹp đẽ, hấp dẫn

**Câu 5*.* Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn: *“Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc "đời hoa” bên vệ đường.”?***

A. So sánh C. Nhân hóa

B. Liệt kê D. Nói giảm, nói tránh

**Câu 6**. **Theo em, hình ảnh “hoa”, “bông hoa”, “đóa hoa” trong đoạn trích tượng trưng cho điều gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Những thành công của cuộc đời mỗi người  B. Những điều hoàn mĩ của cuộc đời mỗi người  C. Những giá trị riêng của cuộc đời mỗi người  D. Những ước mơ của cuộc đời mỗi người |  |

**Câu 7. Dấu ngoặc kép được sử dụng trong từ “đời hoa” có công dụng gì?**

A. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt

B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa mỉa mai, châm biếm

C. Đánh dấu tên một văn bản

D. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

**Câu 8. Trong các câu sau, câu nào nêu thông điệp của đoạn trích?**

A. Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa.

B. Sứ mệnh của hoa là nở.

C. Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.

D. Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.

**Trả lời các câu hỏi tự luận sau:**

**Câu 9** (1 điểm). Qua đoạn trích trên, em rút ra bài học gì trong cuộc sống? (Ghi lại 2 bài học mà em tâm đắc nhất)

**Câu 10** (1 điểm). Để trở thành một đóa hoa “bừng nở rực rỡ, bung ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời”, em sẽ làm gì? (Ghi lại 2 việc làm của bản thân)

**II. VIẾT (4 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến phản đối của em trước quan điểm: *“Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.”*

**-----HẾT-----**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được 2 bài học hợp lý theo quan điểm riêng, song cần thể hiện nhận thức đúng đắn. Ví dụ:  + Mỗi con người đều có một cuộc đời, số phận, hoàn cảnh sống khác nhau, ta phải sống tích cực, sống có ích, cống hiến những gì đẹp đẽ nhất cho cuộc đời.  + Mỗi con người cần khẳng định giá trị riêng của bản thân, không ngừng nỗ lực để hoàn thiện bản thân  + Mỗi người đều mang vẻ đẹp, cá tính riêng biệt, không nên so sánh hay trở thành bản sao của người khác...  Chú ý: Nêu được 2 bài học tương tự như đáp án thì vẫn cho điểm tối đa | 0,5  0,5 |
|  | **10** | - HS nêu ra được 2 việc làm hợp lý:  + Không ngừng học hỏi, rèn luyện, trau dồi để tạo cho bản thân những giá trị đẹp đẽ, cống hiến cho cuộc đời  + Dù trong hoàn cảnh nào, vẫn mạnh mẽ đối đầu, tìm mọi cách vượt lên nghịch cảnh, luôn tự tin bộc lộ cá tính, phát huy khả năng tiềm ẩn của bản thân,...  Chú ý: Nêu được 2 việc làm hợp lý khác thì vẫn cho điểm tối đa | 0,5    0,5 |
| II |  | **VIẾT** | 4,0 |
|  |  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội* | 0,25 |
|  |  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: nêu ý kiến phản đối quan điểm: *“Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.”* | 0,25 |
|  |  | *c. Triển khai nội dung bài văn*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, đảm bảo một số ý như sau:  - Giới thiệu vấn đề nghị luận: trình bày ý kiến phản đối quan điểm: *“Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.”*  - Sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng hợp lý để phản đối quan điểm: *“Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.”*  + Tầm quan trọng của các môn học trong nhà trường  + Tác hại của việc bỏ qua một số môn, chỉ học những môn mình yêu thích  - Nêu giải pháp khắc phục tình trạng một bộ phận HS có lối học chưa đúng đắn (chỉ học những môn mình yêu thích)  - Khẳng định lại vấn đề nghị luận và đưa ra thông điệp cho mọi người | 2,5 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, liên kết, sáng tạo. | 0,5 |